

Học kỳ: Học kỳ phụ - Năm học 2017-2018
Term (1732)

Lớp: 0200 (1155)
Class

STT (S/N)	MSSV (Student#)	Họ Lót (Surname)	Tên (Given Name)	KT1 (10 %)	KT2 (10 %)	KTGK (20 %)	Ghi chú (Note)
1	2161051	Lê Tuấn	An	10,0	8,0	5,0	
2	2161050	Ngô Phỗi	Ăn	10,0	6,0	5,3	
3	2151003	Trần Thị Thanh	Bình	10,0	6,0	7,3	
4	2140244	Nguyễn Hoàng	Bửu	Vắng	Vắng	Vắng	
5	2152341	Huỳnh Dương Quỳnh	Châu	10,0	6,0	7,7	
6	2161066	Nguyễn Ngọc	Châu	10,0	4,0	6,3	
7	2150045	Võ Tấn	Đạt	10,0	2,0	7,0	
8	2141256	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	10,0	2,0	7,7	
9	2161083	Ngô Gia	Hân	10,0	4,0	6,3	
10	2161108	Trương Đức	Hiếu	8,0	10,0	9,3	
11	2160403	Trần Thị Ngọc	Hương	10,0	4,0	6,7	
12	2152105	Mã Kiều	Khanh	10,0	6,0	6,0	
13	2153058	Trần Phan Trường	Long	Vắng	Vắng	Vắng	
14	2161113	Nguyễn Trần Hữu	Lộc	9,0	6,0	7,3	
15	2150373	Huỳnh Thị Thanh	Mai	Vắng	Vắng	Vắng	
16	2152028	Đinh Ngọc Phương	Nam	10,0	10,0	7,7	
17	2161136	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	10,0	10,0	7,0	
18	2141034	Đỗ Thị Phương	Ngọc	10,0	4,0	7,7	
19	2161171	Lê Thị Như	Ngọc	10,0	6,0	7,0	
20	2150936	Đàm Thị Huyền	Nhi	10,0	2,0	7,7	
21	2161157	Nguyễn Lê	Nhi	10,0	2,0	5,3	
22	2161153	Trịnh Tuyết	Nhi	9,0	4,0	7,7	
23	2151909	Lê Hồng	Nhung	Vắng	Vắng	Vắng	
24	2140464	Lê Tấn	Sang	Vắng	Vắng	Vắng	
25	2161180	Tiêu Thái	Tài	10,0	2,0	7,3	
26	2150071	Huỳnh Chí	Tâm	10,0	4,0	7,0	
27	2142480	Tài Thành Thanh	Thảo	10,0	2,0	7,3	
28	2141495	Đinh Hoàng Hải	Thiên	10,0	2,0	7,3	
29	2152276	Bùi Phúc	Thịnh	Vắng	Vắng	Vắng	
30	2142765	Lê Thị Kim	Thúy	10,0	2,0	8,0	
31	2150488	Huỳnh Phạm Ngọc	Thủy	Vắng	Vắng	Vắng	
32	2150496	Nguyễn Vũ Anh	Thư	10,0	4,0	5,0	
33	2160602	Lê Nguyễn Anh	Trà	9,0	6,0	8,0	
34	2143075	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	9,0	6,0	9,0	
35	2132516	Lâm Quang	Triết	8,0	4,0	7,0	
36	2152855	Võ Thị Thanh	Trúc	10,0	4,0	8,3	
37	2143882	Nguyễn Ngọc	Trường	10,0	6,0	7,0	
38	2151798	Phan Kiệt	Tường	Vắng	0,0	Vắng	
39	2160624	Nguyễn Thúy	Vi	10,0	4,0	6,7	

Ngày tháng năm 20
Chủ nhiệm bộ môn
(Department Head)

Ngày tháng năm 20
Giảng viên phụ trách lớp
(Instructor)

Lê Thái Hùng